

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26-02-2018

V/v tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Hùng.
2. Bà Nguyễn Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nhứt - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 90/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Việt Q, sinh năm 1985, có mặt.
2. *Bị đơn:* Bà Dương Thị Kim L, sinh năm 1988, vắng mặt.

Cả hai cùng địa chỉ: Đường H, khu phố 3, phường 2, thị xã K, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 10 năm 2017 và bản tự khai ngày 05 tháng 10 năm 2017 – Ông Nguyễn Việt Q trình bày: Vào năm 2010, ông Q và bà L yêu thương nhau và được sự đồng ý của hai bên gia đình nên có tổ chức lễ cưới. Ngày 17 tháng 6 năm 2010, ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Long An. Ông Q và bà L tự nguyện kết hôn, không bị

ai ép buộc. Trước khi kết hôn, ông Q và bà L có tìm hiểu nhau được khoảng hơn 06 tháng thì đồng ý tiến đến hôn nhân. Sau khi kết hôn, thì ông Q và bà L được mẹ của ông Q cho ở nhờ trên phần đất, nhà đã xây dựng sẵn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bà L nghiện lô đề, gây nợ nần nhiều lần, mỗi khi vợ chồng cự cãi thì bà L lại bỏ nhà đi vài tháng rồi lại về, bà L không quan tâm, lo lắng cho gia đình và cho con cái. Ông Q làm chồng thương vợ nên đã nhiều lần khuyên nhủ bà L sửa đổi để vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng bà L không sửa đổi được gì. Từ tháng 10 năm 2016 đến nay, ông Q với bà L vẫn còn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, tự làm tự sống, bỏ mặc cho nhau muốn sống ra sao thì sống. Do đó, cuộc sống vợ chồng cũng bắt đầu bế tắc, ông Q không còn hy vọng gì về cuộc hôn nhân này nữa. Nay ông Q xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên xin ly hôn với bà L, trả lại tự do cho nhau; về con chung: Ông Q xác định vợ chồng chung sống có hai người con chung tên Nguyễn Nhất Vươn P, sinh ngày 13 tháng 11 năm 2010, giới tính nam và Nguyễn Nhất Vươn M, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2013, giới tính nữ. Khi ly hôn, ông Q xin được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu P, cháu M đến tròn 18 tuổi. Ông Q không yêu cầu bà L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu P, cháu M vì ông Q đủ điều kiện nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Ông Q xác định và cam kết trong thời kỳ hôn nhân không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Khi nhận được hồ sơ khởi kiện của ông Q, Tòa án nhân dân thị xã K tiến hành thụ lý giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Tòa án nhân dân thị xã K đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đã tổng đạt hợp lệ cho bà L nhưng bà L không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo các thông báo của Tòa án. Đồng thời, bà L cũng không gửi văn bản nêu ý kiến của bà L cho Tòa án biết về việc ông Q khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà L. Do đó, các phiên hòa giải không thể tiến hành được theo quy định pháp luật nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, ông Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Về quan hệ hôn nhân ông Q xin được ly hôn với bà L; về con chung ông Q vẫn yêu cầu được quyền nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu bà L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung: Ông Q xác định và cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn là bà L vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng và phát biểu

ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục tố tụng quy định như việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng đúng theo các Điều 48, 49, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách những người tham gia tố tụng, việc gửi hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng pháp luật, trong xét xử đảm bảo cho các bên thực hiện quyền tranh luận và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ việc: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của ông Q tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q, cụ thể là: Về quan hệ hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử cho ông Q được ly hôn với bà L; về quan hệ con chung đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu P, cháu M cho ông Q nuôi dưỡng, giáo dục đến tròn 18 tuổi vì từ khi ly thân đến nay cháu P, cháu M ở chung với ông Q và không buộc bà L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung; về tài sản chung, nợ chung ông Q xác định và cam kết trong thời kỳ hôn nhân không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con, bị đơn là bà L có địa chỉ tại khu phố 3, phường 2, thị xã K, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa, ông Q có yêu cầu tha thiết xin được ly hôn với bà L, còn bà L không có mặt, cũng không gửi văn bản nêu ý kiến của bà L cho Tòa án biết về việc ông Q khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà L. Xét thấy, từ tháng 10 năm 2016 đến nay, ông Q và bà L vẫn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, tự làm tự sống, bỏ mặc cho nhau muốn sống ra sao thì sống. Do đó, tình trạng hôn nhân giữa ông Q và bà L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã K và yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Q, xử cho ông Q được ly hôn với bà L là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Tại phiên tòa, ông Q vẫn xin được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu P, cháu M đến tròn 18 tuổi và không yêu cầu bà L

phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu P, cháu M. Bởi vì, hiện tại ông Q làm nghề điện lạnh, công việc ổn định, thu nhập trung bình được khoảng 10.000.000 đồng/tháng, nhà ông Q gần trường học, tiện việc đưa đón con đi học. Đồng thời từ tháng 10 năm 2016 đến nay, bà L cũng không phụ giúp ông Q nuôi con chung mà ông Q vẫn tự nuôi dưỡng, chăm sóc con chung được đầy đủ về mọi mặt. Mặt khác, tại giấy nguyện vọng ngày 08 tháng 10 năm 2017 của cháu P, biên bản ghi lời khai ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã K thì cháu P cũng có nguyện vọng được ở chung với ông Q khi ông Q và bà L ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã K và yêu cầu khởi kiện của ông Q là tiếp tục giao cháu P, cháu M cho ông Q được nuôi dưỡng, giáo dục đến tròn 18 tuổi và không buộc bà L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu P, cháu M là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Q xác định và cam kết trong thời kỳ hôn nhân không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã K là không xem xét giải quyết.

[5] Về sự vắng mặt của bà L tại phiên tòa: Bà L đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà L vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L là phù hợp theo các Điều 177, 179, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Áp dụng các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc ông Q phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 177, 179, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự ; các Điều 51, 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Việt Q, xử cho ông Nguyễn Việt Q được ly hôn với bà Dương Thị Kim L.

2. Về con chung: Tiếp tục giao hai người con chung tên Nguyễn Nhất Vươn P, sinh ngày 13 tháng 11 năm 2010, giới tính nam và Nguyễn Nhất Vươn M, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2013, giới tính nữ cho ông Nguyễn Việt Q được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tròn 18 tuổi. Bà Dương Thị Kim L không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Nhất Vươn P, Nguyễn Nhất Vươn M.

Bà Dương Thị Kim L được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở bà Dương Thị Kim L thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con thì theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Việt Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006526 ngày 13 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K. Ông Nguyễn Việt Q đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Án xử công khai sơ thẩm có mặt ông Nguyễn Việt Q, báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bà Dương Thị Kim L được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- Dương sự;
- UBND phường 1;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Diệu

